

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2024/HS-ST
Ngày: 26-9-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Yên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Ngọc Diệu;
2. Bà Phạm Thị Thu Trang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Minh Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Tuyết Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 47/2024/TLST-HS ngày 10 tháng 9 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 49/2024/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 9 năm 2024, đối với bị cáo:

Dương Quốc T, sinh năm 1980 tại tỉnh Bến Tre; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: ấp H, xã N, huyện G, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ văn hoá: 03/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Dương Văn H, sinh năm 1939 (đã chết) và bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1941 (đã chết); Vợ: Lê Thị Hoàng O, sinh năm 1988; Con: có 01 người con sinh năm 2010; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú, tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 25/3/2024 cho đến nay. (Có mặt).

** Bị hại:*

Bà Trần Thị L, sinh năm 1948 (đã chết);

Nơi cư trú: ấp C, xã N, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị hại:

- Anh Võ Văn M, sinh năm 1972;
- Chị Trần Thị H1, sinh năm 1981;
- Chị Võ Thị H2, sinh năm 1983;
- Anh Lê Minh C, sinh năm 1968; (Có mặt)

Cùng nơi cư trú: ấp C xã N, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Anh Võ Văn M, chị Trần Thị H1 và chị Võ Thị H2 cùng ủy quyền cho anh Lê Minh C tham gia tố tụng tại Tòa án.

** Người làm chứng:*

- Anh Nguyễn Nhứt T1, sinh năm 1968; (Vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp C, xã N, huyện G, tỉnh Bến Tre.

- Anh Nguyễn Hồng T2, sinh năm 1977; (Vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp S, xã N, huyện G, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 00 phút ngày 07/6/2023, sau khi đã có uống rượu, bia trong máu có nồng độ cồn, bị cáo Dương Quốc T điều khiển xe mô tô biển số 71B4-061.62 lưu thông trên Đường tỉnh 883 theo hướng từ huyện C, tỉnh Bến Tre đi huyện T, tỉnh Bến Tre; khi đến khu vực thuộc địa phận ấp C, xã N, huyện G, tỉnh Bến Tre, do không chú ý quan sát, bị cáo T không phát hiện bị hại bà Trần Thị L đang đi bộ qua đường từ lề trái sang lề phải theo hướng lưu thông của bị cáo. Khi phát hiện bị hại bà L thì khoảng cách giữa xe mô do bị cáo T điều khiển cách bị hại khoảng 03-04 mét, lúc này bị hại còn cách mép đường bên phải khoảng 01 mét. Do khoảng cách quá gần, bị cáo T không xử lý kịp nên xe mô do bị cáo điều khiển đụng vào người bị hại bà L. Hậu quả, bị hại bà L bị thương được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện Đ tỉnh Bến Tre và tử vong tại bệnh viện vào lúc 09 giờ 42 phút ngày 10/6/2023.

- Vật chứng tạm giữ: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter, màu đen xám, biển số 71B4-061.62 và 01 (một) Giấy phép lái xe mang tên Dương Quốc T, đã trả lại cho chủ sở hữu là bị cáo T.

- Hiện trường xảy ra tai nạn là đoạn đường trên Đường tỉnh 883 thuộc địa phận ấp C, xã N, huyện G, tỉnh Bến Tre. Đoạn đường thẳng được trải nhựa bằng phẳng không có chướng ngại vật. Mặt đường rộng 12 mét có vạch kẻ đường đứt quãng chia đường thành hai phần đường cho xe lưu thông ngược chiều nhau. Khu vực xảy ra tai nạn không nằm trong khu vực có biển báo nguy hiểm. Chọn hướng huyện C, tỉnh Bến Tre đi huyện T, tỉnh Bến Tre để tiến hành khám nghiệm hiện trường, chọn mép đường bên phải theo hướng khám nghiệm làm chuẩn, chọn trụ điện số 23 làm điểm mốc cố định, ghi nhận các dấu vết nằm trên phần đường bên phải như sau:

+ Vùng vết máu: dài nhất 0,5 mét, rộng nhất 0,15 mét; điểm xa nhất cách mép đường bên phải 2,75 mét, cách trụ điện số 23 nằm ngoài mép đường bên phải là 9,1 mét; điểm gần nhất cách mép đường bên phải là 2,6 mét, cách đầu vết cày 1 là 2,9 mét.

+ Vết cày 1 phát triển theo hướng huyện C, tỉnh Bến Tre đi huyện T, tỉnh Bến Tre dài 0,15 mét, rộng 0,02 mét; điểm đầu và điểm cuối vết cày 1 cách mép đường bên phải là 03 mét. Cuối vết cày 1 cách đầu vết cày 2 là 0,2 mét.

+ Vết cày 2 phát triển theo hướng huyện C, tỉnh Bến Tre đi huyện T, tỉnh Bến Tre; dài 0,13 mét, rộng 0,01 mét; điểm đầu và điểm cuối vết cày 2 cách mép đường bên phải là 3,05 mét.

- Biên bản khám phương tiện đối với xe mô tô biển số 71B4-061.62 ghi nhận: đầu tay côn có vết trầy xước, kích thước dài 01cm, rộng 01cm; đầu cần số bị cong từ trước ra sau, từ ngoài vào trong.

- Tại Kết luận giám định tử thi số 106/KLGĐTT-KTHS ngày 30/6/2023 của Phòng Kỹ thuật Hình sự - Công an tỉnh Bến Tre kết luận: Nạn nhân Trần Thị L chết do chấn thương sọ não gây vỡ xương hộp sọ, xuất huyết, tụ máu nội sọ và giập nhu mô não.

- Kết quả xét nghiệm nồng độ cồn trong máu của bị cáo T lúc 20 giờ 41 phút ngày 07/6/2023 là 201mg/100mL.

- Tại Kết luận giám định số 788/2023/KL-KTHS ngày 23/10/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bến Tre kết luận: Giấy phép lái xe số 830087006282 ngày 14/12/2020, mang tên Dương Quốc T, ngày sinh 03/7/1980, nơi cư trú: ấp H, xã N, huyện G, tỉnh Bến Tre là thật.

Quá trình điều tra, bị cáo T khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của người làm chứng, kết quả khám nghiệm hiện trường, khám phương tiện, khám nghiệm tử thi, thực nghiệm điều tra, kết luận giám định cùng các tài liệu, chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập.

Về trách nhiệm dân sự: Người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bị hại bà L là anh Lê Minh C đã nhận số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng do bị cáo T bồi thường và không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Tại Bản cáo trạng số 48/CT-VKSGT ngày 09 tháng 9 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre đã truy tố bị cáo T về "Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" theo quy định tại điểm b khoản 2 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1) Điều 260 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà:

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quan điểm truy tố về tội danh, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo T phạm tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ".

- Về trách nhiệm hình sự:

Áp dụng điểm b khoản 2 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1) Điều 260; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo T 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm.

Hình phạt bổ sung: đề nghị không áp dụng.

- Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bị hại bà L là anh C đã nhận số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng do bị cáo T bồi thường, những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bị hại bà L không yêu cầu bồi thường gì thêm.

- Về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Đề nghị ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G, tỉnh Bến Tre đã trả cho bị cáo T: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter, màu đen xám, biển số 71B4-061.62 và 01 (một) Giấy phép lái xe mang tên Dương Quốc T, do phù hợp quy định pháp luật.

Bị cáo T khai nhận hành vi phạm tội như nội dung Bản cáo trạng đã nêu. Bị cáo đồng ý với kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác do cơ quan điều tra thu thập; không khiếu nại gì đối với các hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Bị cáo đã bồi thường cho gia đình bị hại 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng. Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo để được ở ngoài lo cho vợ và con còn nhỏ.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị hại bà L, đồng thời là đại diện theo ủy quyền của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị hại là anh C khai sự việc như nội dung Bản cáo trạng đã nêu. Anh đồng ý với kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác do cơ quan điều tra thu thập; không khiếu nại gì đối với các hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Về trách nhiệm hình sự: anh xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T, xin cho bị cáo không cần chấp hành hình phạt tù để bị cáo được ở ngoài lo cho vợ và con còn nhỏ. Về trách nhiệm dân sự: anh đã nhận số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng do bị cáo T bồi thường và không yêu cầu bồi thường gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre; Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Dương Quốc T và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng:

Việc vắng mặt của người làm chứng anh Nguyễn Nhứt T1 và anh Nguyễn Hồng T2 tại phiên tòa, bị cáo T và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến gì, Viện kiểm sát đề nghị xét xử vắng mặt những người này. Xét thấy, trong quá trình điều tra, những người này đã có lời khai đầy đủ, rõ ràng thể hiện trong hồ sơ vụ án và việc vắng mặt của những người này không gây trở ngại cho việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người này là phù hợp theo quy định tại Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Về tội danh: Bị cáo T có lời khai tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố; phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác; phù hợp với kết quả khám nghiệm hiện trường, khám phương tiện, khám nghiệm tử thi, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được trong hồ sơ vụ án. Từ đó có đủ cơ sở xác định: Khoảng 17 giờ 55 phút ngày 07/6/2023, bị cáo T điều khiển xe mô tô biển số 71B4-061.62 tham gia giao thông sau khi đã có uống rượu, bia mà trong máu có nồng độ cồn là 201mg/100ml, lưu thông trên Đường tỉnh 883 theo hướng từ huyện C, tỉnh Bến Tre đi huyện T, tỉnh Bến Tre; khi đến khu vực thuộc địa phận ấp C, xã N, huyện G, tỉnh Bến Tre, bị cáo T không chú ý quan sát, không giảm tốc độ, nhường đường cho người đi bộ, vi phạm vào khoản 6 Điều 5, khoản 1 Điều 35 Luật Phòng, chống tác hại của rượu bia; khoản 8, khoản 23 Điều 8, khoản 4 Điều 11 Luật Giao thông đường bộ dẫn đến xe mô tô do bị cáo điều khiển đụng vào bị hại bà L đang đi bộ qua đường từ lề trái sang lề phải theo hướng lưu thông của bị cáo, gây ra vụ tai nạn giao thông. Hậu quả, bị hại bà L tử vong tại bệnh viện vào ngày 10/6/2023. Khi thực hiện hành vi trên, bị cáo T có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Do đó, hành vi của bị cáo T đã đủ yếu tố cấu thành "Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" theo quy định tại điểm b khoản 2 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1) Điều 260 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre và lời buộc tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với bị cáo T là có căn cứ, đúng người, đúng tội và phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội:

Hành vi của bị cáo T là nguy hiểm cho xã hội, không những gây mất trật tự, an toàn giao thông mà còn gây tổn hại đến tính mạng của người khác, gây mất mát đau thương cho gia đình bị hại, không gì bù đắp được. Do đó, cần áp dụng mức hình phạt phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo T gây ra.

[5] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân, bị cáo T chưa có tiền án, tiền sự nên xác định có nhân thân tốt.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo T thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho những người thừa kế của bị hại; đại diện của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự mà bị cáo T được hưởng.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Như vậy, căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo T gây ra, xét thấy bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng; đại diện của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, xin cho bị cáo không cần chấp hành hình phạt tù. Đồng thời, xét thấy không cần phải bắt bị cáo T chấp hành hình phạt tù mà cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử

thách, giao bị cáo cho chính quyền nơi cư trú phối hợp với gia đình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách cũng đủ rắn đe, giáo dục bị cáo, đồng thời thể hiện tính nhân đạo, khoan hồng của pháp luật. Do đó, căn cứ vào Điều 65 Bộ luật hình sự, Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo, quyết định cho bị cáo T được hưởng án treo.

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 125 của Bộ luật tố tụng Hình sự, hủy bỏ Lệnh cấm khỏi nơi cư trú số 30/2024/LCĐKNCT-TA ngày 09/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm đối với bị cáo T.

[6] Hình phạt bổ sung: Không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo T.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bị hại bà L là anh C đã nhận số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng do bị cáo T bồi thường, những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên ghi nhận.

[8] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter, màu đen xám, biển kiểm soát 71B4-061.62 và 01 (một) Giấy phép lái xe mang tên Dương Quốc T, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G, tỉnh Bến Tre đã trả cho bị cáo T là phù hợp quy định pháp luật nên ghi nhận.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng do bị cáo T phải nộp.

[10] Lời phát biểu luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với bị cáo T về tội danh; điều luật áp dụng; nhân thân; tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo, trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng là phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Dương Quốc T phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Căn cứ điểm b khoản 2 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1) Điều 260; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo; Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội

đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo:

Xử phạt bị cáo Dương Quốc T 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 26/9/2024.

Giao bị cáo Dương Quốc T cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện G, tỉnh Bến Tre để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo Dương Quốc T có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo (Dương Quốc T) cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo (Dương Quốc T) phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp bị cáo Dương Quốc T thay đổi nơi cư trú, nơi làm việc thì thực hiện theo Điều 68 và khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

2. Về biện pháp ngăn chặn: Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 125 của Bộ luật tố tụng Hình sự.

Hủy bỏ Lệnh cấm khỏi nơi cư trú số 30/2024/LCĐKNCT-TA ngày 09/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm đối với bị cáo Dương Quốc T.

3. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo Dương Quốc T phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

4. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Cơ quan điều tra Công an huyện Giồng Trôm;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre;
- UBND xã N, huyện G;
- Bị cáo, bị hại;
- Bộ phận thi hành án hình sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Phương Yên